

Bản án số: 07/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16 - 01 - 2024

V/v yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lê Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ T, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 344/2023/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023, về yêu cầu ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1985. *Có mặt*

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, xã H T, thành phố P Y, tỉnh T N.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1987. *Vắng mặt*

Nơi cư trú: Xóm C, xã K P, huyện Đ T, tỉnh T N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo Đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch trình bày như sau:

Chị và anh Trần Văn Q kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K P, huyện Đ T, tỉnh T N trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn do vợ chồng làm việc tại thành phố P Y, tỉnh T N nên đã thuê phòng trọ tại đây để chung sống và tiện đi làm, tuy nhiên vẫn thường xuyên về nhà anh Q tại xóm C, xã K P, huyện Đ T, tỉnh T N. Vợ chồng chung sống

được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q là người gia trưởng, thường xuyên ghen tuông, nhiều lần đánh chị tại xóm trọ, có lần chị phải báo Công an viên khu phố và phải đi điều trị tại Trung tâm y tế. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ khi chị nộp đơn ly hôn vợ chồng đã sống ly thân và không còn liên lạc hay quan tâm tới nhau nữa.

Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ T đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn Q theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Trần Văn Q không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định; do vậy, Tòa án không xác định được lời khai của anh Trần Văn Q và không tiến hành hòa giải được.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của anh Trần Văn Q về tình trạng cư trú, có mặt vắng mặt của anh Q tại địa phương và tình trạng hôn nhân hiện tại giữa anh Q và chị Ch. Kết quả xác định: Anh Q có Hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã K P, huyện Đ T, cùng cư trú với anh Q có là bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ), hiện anh Q đi làm ở địa phương khác, nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Quá trình chung sống anh Q, chị Ch không có con chung, cuộc sống hàng ngày có mâu thuẫn do anh Quyết nghị ngờ chị Ch có quan hệ ngoại tình với người khác, chị Ch cho rằng anh Q mải mê rượu chè, do đó vợ chồng đã xảy ra xô xát, cãi vã, anh Q có quan điểm nếu chị Ch muốn ly hôn thì tự mình giải quyết.

[4]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Ch, cho chị Nguyễn Thị Ch được ly hôn với anh Trần Văn Q.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch, nơi cư trú: phường H T, thành phố P Y, tỉnh T N và bị đơn anh Trần Văn Q nơi cư trú: xã K P, huyện Đ T, tỉnh T N. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ T, tỉnh T N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Trần Văn Q theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, anh Trần Văn Q không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa anh Trần Văn Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn Q.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ch và anh Trần Văn Q kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K P, huyện Đ T, tỉnh T N trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống sau khi kết hôn được một thời gian chị Ch và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q nghi ngờ chị Ch ngoại tình, chị Ch cho rằng anh Q ghen tuông vô cớ nên nhiều lần đánh chị, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay. Ngoài ra, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù anh Q đã nhận được và biết được thông tin Tòa án nhiều lần triệu tập và thông báo mở phiên hòa giải, nhưng anh Q không có mặt và cũng không

có lý do, chứng tỏ anh Q không còn mong muốn níu giữ cuộc hôn nhân giữa anh và chị Ch.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Ch và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Ch là có cơ sở chấp nhận, cho chị Nguyễn Thị Ch được ly hôn với anh Trần Văn Q là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Ch phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Ch, cho chị Nguyễn Thị Ch được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005173 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Đ T, tỉnh T N. Chị Nguyễn Thị Ch đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt bị đơn anh Trần Văn Q báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đ T;
- Chi cục THADS huyện Đ T;
- TAND tỉnh T N;
- UBND xã K P, huyện Đ T;
- UBND phường H T, TP P Y;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Triệu Cẩm Chi